

Bản án số: 27/2020/HS-ST

Ngày: 13-5-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hà Nam

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Kim Quỳ

Ông Vũ Viết Thiệu

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 30/2020/TLST-HS ngày 23/3/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2020/QĐXXST-HS ngày 29/4/2020 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **Phạm Trọng Đ**, sinh năm 1999; Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Xóm 4, Khu B, thị trấn L, huyện Y, tỉnh Nam Định; quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Tự do; con bà: Phạm Thị Nh, sinh năm 1975, trú tại: Xóm 4, khu B, thị trấn L, huyện Y, tỉnh Nam Định; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt giam giữ từ ngày 07/01/2020 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định.

2. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Anh **Trần Mạnh D**, sinh năm: 1997

Địa chỉ: Khu C, thị trấn L, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa bị cáo có mặt, anh D1 vắng mặt không có lý do.

NHẬN THẤY:

Hồi 23 giờ 20 phút ngày 04/01/2020, tổ công tác phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Nam Định phối hợp với Công an huyện Ý Yên tiến

hành kiểm tra quán hát Karaoke Family (gọi tắt là quán Family) thuộc xóm Tr, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định. Tại thời điểm kiểm tra phát hiện phòng VIP2 có 04 khách, phòng VIP3 có 03 khách đang nhảy múa trong ánh đèn mờ ảo âm lượng nhạc sồn sồn, có biểu hiện đang sử dụng trái phép chất ma túy. Tổ công tác tiến hành kiểm tra hành chính quán Family và lập biên bản theo quy định.

Tại phòng VIP2 có 04 khách gồm: 1/ Trần Ngọc L, sinh năm: 1981, nơi ĐKHKTT: 2/29 Đinh Bộ Lĩnh, phường N, thành phố N, chỗ ở: 4/48 Nguyễn Văn Trỗi, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định; 2/ Trần Ngọc D, sinh năm: 2001, nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn Ng, xã N, thành phố N; 3/ Lê Thị Hồng Nh, sinh năm: 1992, nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Xóm 3, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; 4/ Phạm Thị H, sinh năm: 2001, nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Xóm 4, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình.

Quá trình kiểm tra hành chính phòng VIP2, tổ công tác thu giữ trên mặt bàn thứ 3 hướng cửa phòng VIP 2 đi vào bên tay phải 01 đĩa sứ màu trắng hình bầu dục trên bề mặt đĩa còn bám dính chất bột dạng tinh thể màu trắng, 01 túi nilon màu trắng kích thước khoảng (2,5 x 3) cm bên trong túi còn bám dính chất bột dạng tinh thể màu trắng; 01 thẻ nhựa màu đen hình chữ nhật kích thước khoảng (5,5 x 8,5) cm và 01 ống hút được cuốn bằng tờ tiền Polyme mệnh giá 10.000 đồng được cố định bằng 03 vỏ đầu lọc thuốc lá Thăng Long màu vàng được niêm phong theo đúng quy định pháp luật, ký hiệu M.

Tại phòng VIP3 có 03 khách hát đều trú tại xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định gồm: 1/Ngô Văn T, sinh năm: 1994, nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Xóm C; 2/ Phạm Công Th, sinh năm: 1994, nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn Th. 3/ Phạm Hữu L1, sinh năm: 1991, nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn Đ.

Quá trình kiểm tra hành chính phòng VIP3, tổ công tác thu trên mặt bàn trong phòng VIP3 có 01 chiếc đĩa sứ hình bầu dục màu trắng kích thước dài khoảng 30 cm, trên bề mặt đĩa có bám dính chất bột màu trắng; 01 chiếc thẻ nhựa ATM ngân hàng Vietcombank màu xanh kích thước khoảng (5 x7) cm và 01 ống hút được cuốn bằng tờ tiền Polyme mệnh giá 100.000 đồng cố định bằng 03 vỏ đầu lọc thuốc lá màu vàng (trên thẻ nhựa ATM và ống hút đều có bám dính chất bột màu trắng) được niêm phong theo quy định ký hiệu N.

Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Nam Định tiến hành trưng cầu chất ma túy đối với các chất bám trên mẫu vật thu giữ. Tại bản kết luận giám định số 27/GĐKTHS ngày 06/01/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định kết luận: Mẫu bột dạng tinh thể màu trắng bám dính trên 01(một) đĩa sứ màu trắng hình bầu dục, trong túi nilon màu trắng kích thước khoảng (2,5 x3) cm được niêm phong ký hiệu M gửi giám định; Mẫu bột màu trắng bám dính trên đĩa sứ màu trắng hình bầu dục kích thước dài khoảng 30 cm, trên thẻ nhựa ATM ngân hàng Vietcombank màu xanh kích thước (5x7) cm và trên ống hút được cuốn bằng tờ tiền polyme mệnh giá 100.000 đồng cố định bằng 03 vỏ đầu lọc thuốc lá màu vàng niêm phong

ký hiệu N gửi giám định đều là ma túy. Loại ma túy: Ketamine. Khối L mẫu M, mẫu N không xác định được

Cơ quan CSĐT cũng đã thu giữ để trưng cầu giám định thành phần chất ma túy trong nước tiểu đối với 07 (bảy) khách ở phòng VIP2, VIP3 gồm Trần Ngọc D (ký hiệu A1), Trần Ngọc L (ký hiệu A2), Lê Thị Hồng Nh (ký hiệu A3), Phạm Thị H (ký hiệu A4), Ngô Văn T (ký hiệu B1), Phạm Công Th (ký hiệu B2), Phạm Hữu L1 (ký hiệu B3) và mẫu nước tiểu của Phạm Trọng Đ (ký hiệu C2). Tại bản kết luận giám định số 28/GĐKTHS ngày 07/01/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định kết luận:

- Có tìm thấy thành phần ma túy Ketamin trong 07 (bảy) mẫu nước tiểu được niêm phong ký hiệu A1 (Trần Ngọc D), A2 (Trần Ngọc L), A3 (Lê Thị Hồng Nh), A4 (Phạm Thị H), B1 (Ngô Văn T), B2 (Phạm Công Th), B3 (Phạm Hữu L1) gửi giám định .

- Có tìm thấy thành phần chất ma túy MDMA trong 06 (sáu) mẫu nước tiểu được niêm phong ký hiệu A1 (Trần Ngọc D), A2 (Trần Ngọc L), A4 (Phạm Thị H), B1 (Ngô Văn T), B2 (Phạm Công Th), B3 (Phạm Hữu L1) gửi giám định.

- Không tìm thấy thành phần các chất ma túy thường gặp theo danh mục các chất ma túy do Chính phủ ban hành trong mẫu nước tiểu được niêm phong ký hiệu C2 (Phạm Trọng Đ) gửi giám định.

Tài liệu điều tra thể hiện:

Quán Karaoke Family do Trần Mạnh D, sinh năm: 1997, nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Khu C, thị trấn L, huyện Y, tỉnh Nam Định làm chủ; có địa chỉ kinh doanh tại xóm Tr, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định; hoạt động từ tháng 09/2018. Quá trình kinh doanh quán, D1 có thuê 03 (ba) nhân viên lễ tân đều ở huyện Y, tỉnh Nam Định gồm Phạm Trọng Đ, sinh năm: 1999, nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Xóm 4, khu B thị trấn L; Trịnh Văn Q, sinh năm: 2000, nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn B, xã Y và Nguyễn Minh Tr, sinh năm: 2000, nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Xóm 3, khu A thị trấn L với mức lương 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng)/ 01 tháng. Những lúc có việc đi vắng thì D1 giao quán cho Đ trông coi, quản lý, thanh toán tiền và sắp xếp khách còn Tr và Q chỉ phụ giúp các công việc theo sự sắp xếp của Đ, tiền khách thanh toán Tr và Q sẽ đưa cho Đ, Đ tập hợp rồi bàn giao lại cho D1.

Tại Cơ quan điều tra các khách phòng VIP2 khai nhận: Khoảng 20 giờ ngày 04/01/2020, Trần Ngọc L, Trần Ngọc D, Phạm Thị H, Lê Thị Hồng Nh gặp nhau tại Thành phố Nam Định, cả nhóm bàn bạc rủ nhau đến quán hát Karaoke Family thuộc xóm Tr, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định để cùng nhau sử dụng ma túy tổng hợp thuốc lắc Ketamine “bay, lắc”, cả 04 người đồng ý và thống nhất mỗi người góp trước 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) để lấy tiền mua thuốc lắc và Ketamine còn tiền thuê phòng “bay” để sử dụng ma túy và các dịch vụ khác sẽ chia nhau sau khi có hoá đơn thanh toán, cả nhóm đồng ý. Sau đó D, Nh, H mỗi người đưa cho L 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng), L bỏ ra 500.000đ (Năm trăm nghìn

đồng) tổng cộng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Để chắc chắn có phòng “bay lắc”, L sử dụng điện thoại số 0913019881 của bản thân điện cho Đ theo số 0989922830 đặt phòng “bay” sử dụng ma túy, do trước đó L đã đến quán Family nên có số điện thoại của Đ là nhân viên lễ tân của quán Family. L hỏi với Đ muốn thuê một phòng để “bay lắc” (cả L và Đ đều hiểu “bay lắc” là sử dụng ma túy dạng thuốc lắc và Ketamin. Đ trả lời L hiện không còn phòng để “bay” chỉ còn 01 phòng hát Karaoke, L cứ vào khi nào có phòng thì Đ sẽ bố trí, sắp xếp, L đồng ý rồi cùng D, Nh, H gọi xe taxi để đi, vì L biết chỗ bán ma túy nên đã yêu cầu lái xe chở đến khu vực chân cầu Đồ Quan, thành phố Nam Định (L không nói cho lái xe biết là đi mua ma túy). Khi đến nơi L yêu cầu lái xe taxi dừng lại. L đi bộ một mình xuống khu vực gầm cầu Đồ Quan gặp một nam thanh niên không rõ tên, tuổi địa chỉ hỏi mua 02 viên thuốc lắc với giá 500.000 đồng/01 viên và 01 gói Ketamine với giá 1.000.000đ (Một triệu đồng), L trả tiền và nhận ma túy rồi cất giấu vào trong người và đi bộ ra chỗ xe taxi đang đợi. L lên xe và nói nhỏ với D, Nh, H ngồi ghế phía sau là đã mua được ma túy tiếp đó, L yêu cầu lái xe đưa cả nhóm đến quán Family. Khoảng 20 giờ 50 phút cùng ngày khi cả 04 người đang trên đường đến quán hát thì Đ gọi điện cho L hỏi là “Anh có vào không để em sắp xếp?”, L trả lời là “đang trên đường vào”. Đến khoảng 21 giờ 15 phút L và nhóm bạn vào đến quán Family, L gặp Đ, biết L đặt phòng để “bay” nhưng chưa có phòng nên Đ nói luôn cho L biết hiện ở quán đang hết phòng “bay” Đ sắp xếp L và nhóm của L vào phòng VIP5 để hát Karaoke một lát, khi nào có phòng “bay” sẽ chuyển sang sau, L và nhóm bạn đồng ý. Cả L, D, Nh, H vào phòng VIP 5 hát được khoảng 30 phút thì Đ vào phòng báo với L và nhóm bạn L là đã có phòng “bay” đợi một lát để Đ dọn dẹp phòng cho sạch sẽ rồi đưa cả nhóm sang. Khoảng 10 phút sau Đ dẫn L, D, Nh, H sang phòng VIP2, khi vào phòng VIP2 L nói với Đ lấy cho L một chiếc đĩa sứ và một cái thẻ để sử dụng ma túy Ketamine, Đ đồng ý, rồi đi ra khỏi phòng khoảng 05 phút sau Đ mang 01 chiếc đĩa sứ bên trên bề mặt đĩa sứ này có 01 thẻ nhựa, L nhận chiếc đĩa sứ từ Đ và đặt trên bàn đồng thời bảo Đ bật nhạc sàn để L và nhóm bạn sử dụng ma túy, Đ đồng ý. Tiếp đó L bảo Đ lấy cho 01 đĩa hoa quả, Đ nhất trí và đi ra khỏi phòng. L lấy trong người 02 viên thuốc lắc bẻ mỗi viên ra làm đôi, L đưa cho D, H, Nh mỗi người một nửa viên còn L cầm một nửa viên. Sau đó L, D, H, Nh tự lấy nước Cocacola trên bàn uống nửa viên thuốc lắc vào cơ thể. Sau đó, L lấy tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng để lên bàn rồi lấy 03 vỏ đầu lọc thuốc lá cuộn thành ống hút rồi lấy gói Ketamine trong người mà L đã mua từ trước bỏ lên bàn, lấy bật lửa hơi nóng phần dưới của chiếc đĩa mà Đ mang vào trước đó đổ gói Ketamine lên trên mặt đĩa sứ và lấy chiếc thẻ nhựa xào, chia Ketamin thành từng rãnh nhỏ lần lượt từng người truyền tay nhau cùng sử dụng bằng hình thức dùng ống hút hít vào cơ thể. Khi cả nhóm của L đang sử dụng Ketamine thì Đ mang đĩa hoa quả vào trong phòng, L mời Đ sử dụng Ketamine nhưng Đ nói Đ không sử dụng rồi đi ra ngoài. Sau đó L và nhóm bạn tiếp tục sử dụng Ketamine và “bay lắc”

trong ánh đèn mờ ảo và tiếng nhạc sàn âm L lớn. Đến khoảng 23 giờ 20 phút cùng ngày thì tổ công tác kiểm tra hành chính phát hiện và thu giữ những vật chứng nêu trên.

Tại Cơ quan điều tra các đối tượng phòng VIP3 khai nhận: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 04/01/2020, Phạm Công Th, Phạm Hữu L1, Ngô Văn T gặp nhau ở khu vực xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định. Cả nhóm bàn bạc thống nhất mỗi người góp 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) để đi mua ma túy tổng hợp và đến quán Karaoke Family thuộc xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định để sử dụng. T và L1 mỗi người đưa cho Th 500.000 đồng và Th lấy 500.000 đồng của bản thân, Th cầm 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) để mua ma túy tổng hợp và trả tiền phòng hát. Sau đó, cả ba đi đến khu vực ngã ba Cát Đằng, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định thì Th bảo L1, T đứng đợi còn Th đi về hướng thị trấn Lâm cách chỗ L1, T đứng khoảng 100 m, Th gặp một người đàn ông không rõ tên, tuổi địa chỉ đang đứng một mình, Th mua của người này 03 viên ma túy tổng hợp thuốc lắc và 01 gói ma túy Ketamine với giá 1.000.000đ (Một triệu đồng), Th nhận số ma túy cất vào trong người quay lại chỗ T, L1 bảo là đã mua được ma túy, cả cùng nhau đi đến quán Family. Đến khoảng 21 giờ ngày 04/01/2020 Th, T, L1 đến quán Family ở xóm Trung Thôn, xã Yên Tiến, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định gặp nhân viên của quán là Nguyễn Minh Tr. L1 hỏi Tr cho thuê một phòng hát, Tr đồng ý và dẫn cả nhóm vào phòng VIP3. Khi vào trong phòng Th đưa cho T, L1 mỗi người một viên ma túy thuốc lắc, cả ba dùng nước Cocacola uống vào cơ thể rồi nhảy múa trong tiếng nhạc âm L lớn dưới ánh đèn mờ ảo. Đến khoảng 21 giờ 45 phút cùng ngày Th bảo L1 ra ngoài gặp nhân viên mượn chiếc đĩa, L1 xuống khu vực lễ tân gặp Tr hỏi mượn một chiếc đĩa (không nói rõ để làm gì), Tr lấy chiếc đĩa sứ đưa cho L1, L1 mang lên phòng Vip 3 đưa cho Th, Th cầm chiếc đĩa để trên mặt bàn kê phía bên trái Th từ cửa ra vào phòng VIP3 rồi Th lấy tờ tiền 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng) cuộn thành chiếc ống hút được cố định bằng 03 vỏ đầu lọc thuốc lá và lấy gói Ketamine đổ lên trên bề mặt đĩa, tiếp đó Th lấy trong người chiếc thẻ nhựa màu xanh, nghiền số Ketamine trên đĩa, chia thành từng đường nhỏ, tự cầm đĩa và ống hút hít vào cơ thể sau đó T, L1 cũng lần lượt tự truyền tay nhau sử dụng, rồi cả ba cùng nhau nhảy múa trong tiếng nhạc sàn âm L lớn dưới ánh đèn mờ ảo. Đến khoảng 23 giờ 20 phút thì tổ công tác kiểm tra hành chính phát hiện lập biên bản thu giữ các vật chứng trên và đưa các đối tượng về trụ sở làm việc.

- Trong quá trình làm việc tại CQĐT Phạm Trọng Đ khai nhận, phù hợp với lời khai chủ quán và các nhân viên lễ tân quán Family là Trần Mạnh D, Trịnh Văn Q, Nguyễn Văn Tr cũng như lời khai của các đối tượng là khách hát trong phòng VIP2 với các nội dung L gọi điện cho Đ trao đổi thuê phòng để bay (tức là sử dụng ma túy), thời gian đến nhận phòng, chuyển phòng, mượn đĩa sứ, thẻ nhựa để sử dụng ma túy, việc Đ bật nhạc sàn và L mời Đ sử dụng ma túy cùng cả nhóm ở trong phòng. Đồng thời, Đ cũng khai nhận về công việc được phân công khi làm

nhân viên lễ tân quán Family như sau: Đ được D1 thuê làm nhân viên lễ tân của quán hơn 01 năm với mức lương hàng tháng là 4.500.000đ (Năm trăm nghìn đồng), Đ có nhiệm vụ sắp xếp, bố trí, phục vụ, thanh toán khi khách hát xong và thanh toán trả lại cho D1. Trong số ba nhân viên làm lễ tân của quán gồm Đ, Q, Tr thì Đ là người được D1 tin tưởng nhất vì Đ là người nhiều tuổi và thân thích với D1. Tối ngày 04/01/2020 D1 là chủ quán đi đám cưới không giao công việc quản lý quán cụ thể cho Đ nhưng Đ vẫn hiểu công việc của Đ là trông coi, quản lý quán, nên tối ngày 04/1/2020 Đ đã thu nhận 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) mà các khách hát đã thanh toán về trước và sẽ về bàn giao cho D1. Khoảng 21 giờ 30 cùng ngày D1 về thì Đ chỉ thông báo với D1 ở quán 03 phòng đang có khách đang hát mà không nói rõ là phòng nào khách sử dụng ma túy và Đ chưa kịp bàn giao số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) đã nhận cho D1. Bản thân Đ biết rõ nhóm khách của L trong phòng VIP2 sử dụng ma túy, còn những phòng khác trong quán có sử dụng ma túy hay không thì Đ không biết.

Tài sản, đồ vật, tài liệu thu giữ trong vụ án gồm:

- 01 (một) phong bì niêm phong số 27/GĐKTHS của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định, ký hiệu M;

- 01 (một) phong bì niêm phong số 27/GĐKTHS của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định, ký hiệu N;

- 01 (một) thẻ căn cước công dân mang tên Phạm Trọng Đ;

- Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam: 5.000.000 đồng thu giữ của Phạm Trọng Đ.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen đã cũ, mặt trước và mặt sau máy bị rạn nứt, có số Imei 35941286398975, có lắp sim có số thuê bao: 0989922830 thu giữ của Phạm Trọng Đ.

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số: 07D8009939; 01 (một) giấy phép kinh doanh Karaoke; 01 (một) giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự số 151/GCN-CDD đều mang tên Trần Mạnh D (BL14-19);

- 01 (một) giấy nội quy phòng Karaoke;

- 08 (tám) chai nhựa, nắp chai màu xanh (đựng nước tiểu) được niêm phong ký hiệu A1, A2, A3, A4, B1, B2, B3 và C2 có dấu của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định.

Việc xử lý vật chứng:

- 08 (tám) chai nhựa, nắp chai màu xanh được niêm phong ký hiệu A1, A2, A3, A4, B1, B2, B3 và C2 có dấu của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định mẫu nước tiểu sau giám định là vật chứng không có giá trị sử dụng. Cơ quan CSĐT Công an tỉnh đã xử lý bằng hình thức tiêu hủy.

Các vật chứng, đồ vật, tài liệu còn lại được chuyển theo vụ án để giải quyết

Cáo trạng số 18/CT-VKS- P1 ngày 18/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định đã truy tố bị cáo Phạm Trọng Đ về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 256 BLHS 2015.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay: Bị cáo Phạm Trọng Đ đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định trong bản luận tội đã giữ nguyên tội danh, điều luật áp dụng trong cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo; Sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị HĐXX:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 256; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015: Xử phạt bị cáo Phạm Trọng Đ từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù; về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Ngoài ra còn đề nghị về xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hồi 23 giờ 25 phút ngày 04 tháng 01 năm 2020, tại quán Karaoke Family thuộc xóm Tr, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định, bị cáo Phạm Trọng Đ là nhân viên của quán được giao nhiệm vụ quản lý quán Karaoke Family biết 04 đối tượng là Trần Ngọc L, Trần Ngọc D, Lê Thị Hồng Nh, Phạm Thị H thuê phòng hát VIP 2 để sử dụng trái phép chất ma túy nhưng đã đồng ý và cung cấp các dụng cụ như đĩa sứ, thẻ nhựa để các đối tượng này sử dụng trái phép chất ma túy trong phòng. Như vậy hành vi của bị cáo Phạm Trọng Đ đã có đủ các yếu tố cấu thành tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 256 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 (Viết tắt BLHS năm 2015). Như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ.

Hành vi phạm tội của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội đã tiếp tay cho các đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy, cũng như các tội phạm về ma túy, bản thân bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, nhận thức về tác hại của ma túy là hiểm họa của mỗi gia đình và cộng đồng xã hội, là một trong các nguyên nhân làm

gia tăng các tệ nạn xã hội xâm hại tới đạo đức và sức khỏe của con người, bị cáo biết việc làm của mình là vi phạm pháp luật, nhưng do động cơ tư lợi và hám lời nên vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội với Th chất tội phạm rất nghiêm trọng, gây ảnh hưởng rất xấu đến tình hình an ninh và trật tự an toàn xã hội. Vì vậy cần phải xử phạt nghiêm minh đối với bị cáo.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Phạm Trọng Đ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy cần xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[5] Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. HĐXX xét thấy cần áp dụng điểm d khoản 2 Điều 256 BLHS năm 2015 để xử phạt đối với bị cáo và phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bản thân bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, hoàn cảnh gia đình rất khó khăn. Vì vậy cần miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS. Hội đồng xét xử xét thấy cần:

Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 (Một) phong bì niêm phong số 27/GĐKTHS của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Nam Định, ký hiệu M.

Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 (Một) phong bì niêm phong số 27/GĐKTHS của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Nam Định, ký hiệu N.

Tuyên tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen đã cũ, mà bị cáo Đ đã sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội.

Tuyên trả lại cho bị cáo Đ 01 (Một) Căn cước công dân mang tên Phạm Trọng Đ. Vì không liên quan đến việc thực hiện hành vi phạm tội.

Tuyên trả lại cho bị cáo Đ số tiền 05 triệu đồng; vì không liên quan đến việc thực hiện hành vi phạm tội.

Tuyên trả lại cho anh Trần Mạnh D các giấy tờ; vì không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Đ, bao gồm:

- 01 (Một) Giấy chứng nhận hộ kinh doanh số 07D8009939 mang tên Trần Mạnh D;

- 01 (Một) Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự số 151/GCN mang tên Trần Mạnh D;

- 01 (Một) Giấy phép kinh doanh Karaoke mang tên Trần Mạnh D;

- 01 (Một) Bảng giấy nội quy phòng Karaoke.

[8] Về án phí: Bị cáo Phạm Trọng Đ phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Trọng Đ phạm tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 256 BLHS năm 2015; Điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015; Xử phạt bị cáo Phạm Trọng Đ 07 (Bảy) năm tù, thời hạn tù được Th từ ngày 07 tháng 01 năm 2020.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47, 48 BLHS năm 2015; Điều 106 BLTTHS năm 2015.

Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 (Một) phong bì niêm phong số 27/GĐKTHS của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Nam Định, ký hiệu M.

Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 (Một) phong bì niêm phong số 27/GĐKTHS của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Nam Định, ký hiệu N.

Tuyên tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen đã cũ.

Tuyên trả lại cho bị cáo Đ 01 (Một) Căn cước công dân mang tên Phạm Trọng Đ.

Tuyên trả lại cho bị cáo Đ số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Tuyên trả lại cho anh Trần Mạnh D các giấy tờ; vì không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Đ, bao gồm:

- 01 (Một) Giấy chứng nhận hộ kinh doanh số 07D8009939 mang tên Trần Mạnh D;

- 01 (Một) Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự số 151/GCN mang tên Trần Mạnh D;

- 01 (Một) Giấy phép kinh doanh Karaoke mang tên Trần Mạnh D;

- 01 (Một) Bảng giấy nội quy phòng Karaoke.

(Chi tiết vật chứng được nêu trong Biên bản giao nhận vật chứng số 36/20 ngày 27/3/2020, giữa phòng PC04 Công an tỉnh Nam Định và Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135 BLTTHS năm 2015; Nghị Quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí tòa án. Buộc bị cáo Phạm Trọng Đ phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, đã báo quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND-CC, VKSND-CC;
- VKS và CA tỉnh Nam Định;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nam Định;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Vũ Hà Nam